

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc xét năng lực ngoại ngữ ứng viên đăng ký tuyển thẳng trình độ thạc sĩ
trong kỳ thi tuyển sinh cao học năm 2025- đợt 2**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025- ĐỢT 2

Căn cứ Quyết định số 2829/QĐ-KHTN ngày 22/09/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2025- đợt 2 và Quyết định số 2968/QĐ-KHTN, ngày 26/09/2025 về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên ban hành;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-ĐHQG, ngày 06/01/2023 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ban hành tại Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-KHTN, ngày 22/02/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định tổ chức tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Theo đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2025- đợt 2.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách ứng viên đăng ký tuyển thẳng trình độ thạc sĩ trong kỳ tuyển sinh sau đại học năm 2025- đợt 2 đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ.

Danh sách 232 ứng viên đạt yêu cầu năng lực ngoại ngữ đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các ứng viên có tên tại Điều 1 đã đạt trình độ ngoại ngữ đối với người tuyển thẳng vào trình độ thạc sĩ theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của Đại học Quốc gia TP.HCM

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Đơn vị có liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*ky*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- ĐHQG-HCM (để theo dõi);
- Lưu: VT, Hồ sơ TS SDH. ✓

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SDH
CHỦ TỊCH**


**HIỆU TRƯỞNG
Trần Lê Quan**

**DANH SÁCH ỨNG VIÊN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐẠT YÊU CẦU NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
TRONG KỲ TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025- ĐỢT 2**
(Đính kèm Quyết định số: 8248 /QĐ-HĐTS, ngày 13/10/2025 của Chủ tịch HĐTS SDH)

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
					văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
1	Huỳnh Bá Lộc	24/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ bán dẫn	TNĐH, Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Tiếng Anh		
2	Phạm Minh Mẫn	01/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	Aptis ESOL	B2	
3	Nguyễn Hoàng Phúc	01/04/1999	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	Aptis ESOL	C1	
4	Trương Thùy Trang	13/05/2003	Cà Mau	Công nghệ sinh học	Aptis ESOL	B1	
5	Nguyễn Phạm Tâm Đan	03/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	IELTS	7.5	
6	Võ Nguyễn Thanh Trúc	13/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	IELTS	6.5	
7	Phan Ngọc Châu	30/04/2001	Bình Định	Công nghệ sinh học	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	425-400 120-150	
8	Huỳnh Nhật Anh	23/07/2003	Vĩnh Long	Công nghệ sinh học	VSTEP	Bậc 3	
9	Nguyễn Thị Bửu Châu	06/01/2001	Khánh Hòa	Công nghệ sinh học	VSTEP	Bậc 4	
10	Phạm Huỳnh Khoa Điềm	13/09/2003	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	VSTEP	Bậc 4	

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
11	Ngô Quốc	Hiệu	05/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	VSTEP	Bậc 4	
12	Nguyễn Thị Phước	Linh	09/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	VSTEP	Bậc 4	
13	Trần Mỹ	Linh	01/04/2003	Trà Vinh	Công nghệ sinh học	VSTEP	Bậc 4	
14	Hà Phương	Linh	27/08/2003	Liên Bang Nga	Công nghệ sinh học	VSTEP	Bậc 4	
15	Nguyễn Huỳnh Cát	Tiên	01/06/2003	Quảng Ngãi	Công nghệ sinh học	VSTEP	Bậc 4	
16	Cao Thanh	Trúc	18/07/2003	Đồng Tháp	Công nghệ sinh học	VSTEP	Bậc 3	
17	Nguyễn Trần Tường	Vy	08/10/2003	Bến Tre	Công nghệ sinh học	VSTEP	Bậc 4	
18	Nguyễn Anh Đ	Đào	20/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	IELTS	6.5	
19	Trần Huỳnh	Nghĩa	15/11/2002	TP. Hồ Chí Minh	Đại số và lí thuyết số	VSTEP	Bậc 3	
20	Nguyễn Phạm Tâm	Đan	03/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Di truyền học	IELTS	7.5	
21	Huỳnh Bảo	Ngân	10/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	Di truyền học	IELTS	6,5	
22	Võ Ngọc Đỗ	Quyên	21/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Di truyền học	IELTS	7.5	
23	Trần Gia	Tường	06/02/2001	An Giang	Di truyền học	IELTS	5,5	
24	Lê Thanh	Văn	11/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Di truyền học	IELTS	6.0	
25	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	19/11/2001	Đồng Tháp	Di truyền học	TOEFL ITP	523	
26	Trương Thị Minh	Thư	28/11/2002	TP. Hồ Chí Minh	Di truyền học	VSTEP	Bậc 4	

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
27	Trần Ngọc Thảo	Ngân	21/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	IELTS	6.0	
28	Nguyễn Đình Phương	Đại	07/02/2003	Tiền Giang	Hệ thống thông tin	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	465-455 160-180	
29	Trương Vĩnh	Hưng	23/10/2003	Kon Tum	Hệ thống thông tin	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	480- 465 150-160	
30	Đào Khoa	Nguyên	04/12/2002	Bạc Liêu	Hệ thống thông tin	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	485-435 140-160	
31	Lê Gia	Huy	14/09/2001	Vĩnh Long	Hệ thống thông tin	VSTEP	Bậc 3	
32	Lê Thị Bích	Loan	25/12/2003	Bình Phước	Hệ thống thông tin	VSTEP	Bậc 3	
33	Trần Hạ Khánh	Duy	14/11/2001	Bình Định	Hệ thống thông tin	Aptis ESOL	B2	
34	Trương Lê Bảo	Trân	22/01/2003	Long An	Hệ thống thông tin	Aptis ESOL	B1	
35	Nguyễn Gia	Hân	29/06/2001	Gia Lai	Hệ thống thông tin	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	405-380 120-150	
36	Trần Thị Quỳnh	Nhi	18/12/2002	Phú Yên	Hệ thống thông tin	IELTS	5.5	
37	Chu Hải	Linh	28/02/2003	Bình Thuận	Hệ thống thông tin	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	410-300 120-160	
38	Nguyễn Vũ	Huy	15/02/2003	Bình Dương	Hóa học	Aptis ESOL	B2	
39	Trần Lê	Vy	26/01/2003	Vĩnh Long	Hóa học	Aptis ESOL	B2	
40	Nguyễn Thái	Hòa	15/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	IELTS	6.0	
41	Hàng Thụy Vân	Minh	02/01/2003	Tiền Giang	Hóa học	IELTS	5.5	



Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
42	Trương Mỹ	Dung	29/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	435-395 170-180	
43	Nguyễn Thành	Công	23/03/2003	TP. Cần Thơ	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
44	Trần Minh	Đạt	08/02/2003	Tiền Giang	Hóa học	VSTEP	Bậc 3	
45	Bùi Ngọc	Hân	12/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	VSTEP	Bậc 3	
46	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	17/05/2003	Bình Định	Hóa học	VSTEP	Bậc 3	
47	Đặng Trần Quang	Huy	22/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
48	Nguyễn Hoàng	Huy	21/06/2003	Tiền Giang	Hóa học	VSTEP	Bậc 3	
49	Lâm Vỹ	Kha	08/06/2003	Kiên Giang	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
50	Trần Kiến	Khôn	04/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
51	Lê Nguyễn Hồng	Liên	13/06/2003	An Giang	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
52	Nguyễn Hoàng Gia	Linh	26/10/2003	Gia Lai	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
53	Trần Hải	Minh	15/03/2003	Cà Mau	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
54	Nguyễn Thoại	Ngân	30/05/2003	Đồng Nai	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
55	Bùi Phương	Nhi	10/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
56	Nguyễn Bích Kiều O	Oanh	02/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
57	Đào Thiên	Phước	27/01/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
58	Phan Thanh	Sang	28/01/2003	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
59	Nguyễn Phước T	Tài	06/03/2003	Tiền Giang	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
60	Nguyễn Thị Thu	Trang	13/09/2003	Đắk Lắk	Hóa học	VSTEP	Bậc 3	
61	Đoàn Đức	Trọng	29/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	VSTEP	Bậc 3	
62	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	06/01/2003	Trà Vinh	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
63	Nguyễn Doanh Xuân	Tuyết	13/01/2003	Tiền Giang	Hóa học	VSTEP	Bậc 3	
64	Triệu Phương	Uyên	14/07/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
65	Bùi Phương	Vy	03/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	VSTEP	Bậc 4	
66	Nguyễn Minh	Thuận	07/10/2003	Đồng Nai	Hóa hữu cơ; chuyên ngành - Giảng dạy hóa học thực nghiệm	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	465-445 140-170	
67	Phan Thanh	Tú	09/04/1996	TP. Hồ Chí Minh	Hóa hữu cơ; chuyên ngành - Giảng dạy hóa học thực nghiệm	VSTEP	Bậc 4	
68	Đỗ Thanh	Bình	28/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Hóa hữu cơ; chuyên ngành - Giảng dạy hóa học thực nghiệm	VSTEP	Bậc 4	
69	Dư Nhất	Đoan	23/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	Hóa sinh học	IELTS	6.0	
70	Lý Thành	Danh	05/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Hóa sinh học	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	385- 370 120-180	
71	Lê Quang	Minh	14/04/2002	Lâm Đồng	Hóa sinh học	VSTEP	Bậc 4	
72	Lê Thị Huyền	Trân	04/04/2003	An Giang	Hóa sinh học	VSTEP	Bậc 4	
73	Trần Nguyễn Minh	Quang	02/06/2003	Thanh Hóa	Khoa học dữ liệu	IELTS	6.0	

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
74	Nguyễn Khoa Tân	Tiến	06/05/2000	Bình Thuận	Khoa học dữ liệu	IELTS	5.5	
75	Lê Hồng	Cát	27/02/2003	Bình Thuận	Khoa học dữ liệu	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	330-360 130-160	
76	Trần Ngọc	Dễ	04/01/2003	Cà Mau	Khoa học dữ liệu	VSTEP	Bậc 3	
77	Trần Minh	Huân	21/12/2000	Đắk Lắk	Khoa học dữ liệu	VSTEP	Bậc 3	
78	Võ Hoàng	Khang	11/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học dữ liệu	VSTEP	Bậc 4	
79	Võ Hoàng Phúc	Khang	30/11/2003	Long An	Khoa học dữ liệu	VSTEP	Bậc 4	
80	Nguyễn Lộc	Phúc	26/11/1999	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học dữ liệu	VSTEP	Bậc 4	
81	Trần Anh	Quân	21/02/2003	Quảng Trị	Khoa học dữ liệu	VSTEP	Bậc 3	
82	Nguyễn Tiến	Nhật	05/10/2003	Quảng Ngãi	Khoa học dữ liệu	IELTS	6.0	
83	Võ Hoàng Phúc	Khang	30/11/2003	Long An	Khoa học máy tính	VSTEP	Bậc 4	
84	Trần Hạ Khánh	Duy	14/11/2001	Bình Định	Khoa học máy tính	Aptis ESOL	B2	
85	Đinh Thị Thu	Hiệp	16/12/2003	Khánh Hòa	Khoa học máy tính	Aptis ESOL	B2	
86	Trương Lê Bảo	Trân	22/01/2003	Long An	Khoa học máy tính	Aptis ESOL	B1	
87	Trần Trung	Nguyên	04/02/2002	TP. Hà Nội	Khoa học máy tính	IELTS, Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Tiếng Anh		
88	Nguyễn Phát	Đạt	17/12/2003	An Giang	Khoa học máy tính	IELTS	7.5	
89	Đoàn Ánh	Dương	09/10/1999	Khánh Hòa	Khoa học máy tính	IELTS	5.5	

10/ E D H P /

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
90	Hoàng Thanh	Hải	02/04/2001	Bình Định	Khoa học máy tính	IELTS	5.5	
91	Đỗ Nguyễn Duy	Hoàng	20/08/2001	Khánh Hòa	Khoa học máy tính	IELTS	7.5	
92	Trần Nguyên	Huân	02/07/2003	An Giang	Khoa học máy tính	IELTS	5.5	
93	Trương Đình	Huy	18/09/2003	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	IELTS	6.5	
94	Nguyễn Tiến	Nhật	05/10/2003	Quảng Ngãi	Khoa học máy tính	IELTS	6.0	
95	Nguyễn Phúc	Tân	22/11/2003	Gia Lai	Khoa học máy tính	IELTS	6,5	
96	Văn Hoàng	Yến	02/06/2002	Long An	Khoa học máy tính	IELTS	6.5	
97	Nguyễn Gia	Hân	29/06/2001	Gia Lai	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	405-380 120-150	
98	Nguyễn Duy	Khang	21/03/2003	Bình Định	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	495-460 130-180	
99	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Linh	13/08/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	415-395 180-170	
100	Đỗ Thanh	Nghị	24/11/2003	Khánh Hòa	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	390-455 140-170	
101	Phan Lê Đắc	Phú	22/04/2003	Phú Yên	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	465-380 120-140	
102	Lê Hình Nhựt	Thanh	09/12/2003	Kiên Giang	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	450-365 150-150	
103	Nguyễn Thái	Thông	20/07/2002	Bình Thuận	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	435-385 130-160	
104	Lê Minh	Tiến	14/08/2000	Bình Dương	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	470-450 150-180	
105	Trần Đại	Niên	03/06/2003	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	495-420 140-190	

2

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
106	Dương Tấn	Phát	11/01/2000	Tiền Giang	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	405-400 140-180	
107	Ngô Xuân	Chiến	17/01/2002	Phú Yên	Khoa học máy tính	VSTEP	Bậc 3	
108	Tô Tấn	Hiệp	01/02/2003	Bình Định	Khoa học máy tính	VSTEP	Bậc 4	
109	Hồ Anh	Khôi	05/06/2002	Lâm Đồng	Khoa học máy tính	VSTEP	Bậc 3	
110	Lê Trần Minh	Khuê	15/06/2003	Sóc Trăng	Khoa học máy tính	VSTEP	Bậc 4	
111	Hoàng Thiện	Nhân	06/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	VSTEP	Bậc 4	
112	Lâm Thịnh	Phát	28/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	VSTEP	Bậc 4	
113	Nguyễn Phương	Thảo	17/09/2003	Đắk Lắk	Khoa học máy tính	Aptis ESOL	B2	
114	Phạm Nguyễn Cao	Cường	02/01/2002	Quảng Ngãi	Khoa học máy tính	IELTS	7.5	
115	Lý Văn	Đạt	03/10/2025	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	IELTS	7.5	
116	Bùi Mạnh	Hùng	17/09/2003	Quảng Bình	Khoa học máy tính	IELTS	5.5	
117	Nguyễn Vĩ	Khang	17/01/2002	Bình Phước	Khoa học máy tính	IELTS	7.5	
118	Âu Dương	Khang	28/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	IELTS	6.0	
119	Trần Thị Quỳnh	Nhi	18/12/2002	Phú Yên	Khoa học máy tính	IELTS	5.5	
120	Nguyễn Hoàng Nhật	Quang	05/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	IELTS	5.5	
121	Lê Thế	Việt	07/08/2002	Khánh Hòa	Khoa học máy tính	IELTS	6.5	



Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
122	Nguyễn Quốc	Việt	22/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	IELTS	7.5	
123	Cao Văn	Hùng	04/02/2002	Quảng Bình	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	415-360 140-160	
124	Chu Hải	Linh	28/02/2003	Bình Thuận	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	410-300 120-160	
125	Nguyễn Minh	Nghĩa	05/06/2002	Khánh Hòa	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	420-405 140-150	
126	Phạm Trần Minh	Ngọc	14/11/2002	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	330-300 140-190	
127	Trần Thiện	Tiến	15/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	465-395 120-170	
128	Nguyễn Thanh	Trọng	27/01/2002	Quảng Nam	Khoa học máy tính	VSTEP	Bậc 3	
129	Lê Hoàng	Chương	29/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học môi trường	IELTS	7.0	
130	Nguyễn Gia	Vỹ	31/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học môi trường	IELTS	6.5	
131	Nguyễn Như	Hiếu	26/02/2003	Bình Thuận	Khoa học môi trường	VSTEP	Bậc 3	
132	Nguyễn Đức	Nguyên	27/03/2003	Vĩnh Long	Khoa học môi trường	VSTEP	Bậc 3	
133	Nguyễn Hoàng Kiều	Phụng	30/09/2003	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học môi trường	Aptis ESOL	B1	
134	Trần Bảo	Quân	08/10/2002	Quảng Ngãi	Khoa học vật liệu	Aptis ESOL	B1	
135	Phan Thanh	Phi	10/12/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	Khoa học vật liệu	VSTEP	Bậc 3	
136	Phạm Hồ Thanh	Quang	18/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học vật liệu	VSTEP	Bậc 3	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
					văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
137	Trần Thị Ý	19/11/2002	Cà Mau	Khoa học vật liệu	VSTEP	Bậc 3	
138	Trần Hoàng Nam	16/02/2002	TP. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật điện tử, chuyên ngành Điện tử-Viễn thông-Máy tính	VSTEP	Bậc 4	
139	Lê Quỳnh Thư	18/09/2002	Quảng Ngãi	Kỹ thuật điện tử, chuyên ngành Điện tử-Viễn thông-Máy tính	VSTEP	Bậc 4	
140	Hồ Viết Đức Huy	02/11/2002	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật điện tử, chuyên ngành Vi điện tử và thiết kế vi mạch	IELTS	4.5	
141	Nguyễn Đoàn An Bình	20/03/2002	Đồng Nai	Kỹ thuật điện tử, chuyên ngành Vi điện tử và thiết kế vi mạch	VSTEP	Bậc 3	
142	Nguyễn Minh Thiện	07/02/2003	Tiền Giang	Kỹ thuật điện tử, chuyên ngành Vi điện tử và thiết kế vi mạch	VSTEP	Bậc 4	
143	Phạm Đình Thanh Trúc	02/10/2001	Khánh Hòa	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	370-305 130-190	
144	Ngô Huỳnh Minh Đạt	18/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	VSTEP	Bậc 3	
145	Nguyễn Đình Nguyên	03/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	VSTEP	Bậc 4	
146	Nguyễn Tấn Quang	01/06/1995	TP. Hồ Chí Minh	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	VSTEP	Bậc 4	
147	Vũ Hoàng Duy	10/10/2002	TP. Hồ Chí Minh	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	VSTEP	Bậc 3	
148	Nguyễn Hoàng Kiều Phụng	30/09/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý tài nguyên và môi trường	Aptis ESOL	B1	
149	Lưu Tấn Phong	01/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý tài nguyên và môi trường	IELTS	5.5	

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
150	Quách Thị Thái	Bình	23/09/2003	Đồng Nai	Quang học	VSTEP	Bậc 3	
151	Nguyễn Lê Phương N	Như	09/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quang học	VSTEP	Bậc 3	
152	Châu Hoàng Lê	Huyền	15/08/2003	An Giang	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	VSTEP	Bậc 4	
153	Võ Ngọc Đỗ	Quyên	21/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	IELTS	7.5	
154	Châu Hoàng Lê	Huyền	15/08/2003	An Giang	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	VSTEP	Bậc 4	
155	Nguyễn Anh Đ	Đào	20/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	IELTS	6.5	
156	Trịnh Gia	Khánh	11/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	IELTS	7.0	
157	Nguyễn Đặng Minh	Quân	16/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	IELTS	7,5	
158	Phan Thụy Kiều	Anh	02/09/2003	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	VSTEP	Bậc 4	
159	Nguyễn Diệp	Băng	26/07/2003	Cà Mau	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	VSTEP	Bậc 3	
160	Lâm Mỹ	Linh	24/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	VSTEP	Bậc 4	
161	Nguyễn Thị Thanh	Nguyệt	04/02/2003	Đắk Lắk	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	VSTEP	Bậc 4	
162	Nguyễn Thị Yến	Nhi	20/09/2003	Trà Vinh	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	VSTEP	Bậc 4	

QUẢN LÝ
HỒ SƠ
ĐẠI HỌC
HOA LĨNH

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
163	Trịnh Yến	Nhi	24/03/2003	Cà Mau	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	VSTEP	Bậc 3	
164	Bùi Quang T	Thiên	04/11/2003	Bạc Liêu	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	VSTEP	Bậc 3	
165	Nguyễn Quốc	Thịnh	15/07/2003	Bình Định	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	VSTEP	Bậc 4	
166	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	20/08/2003	Vĩnh Long	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	VSTEP	Bậc 4	
167	Lê Quốc	Trung	06/09/2003	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	VSTEP	Bậc 4	
168	Phạm Hoàng Thụy	Vân	02/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm, chuyên ngành - Sinh lý Động vật	VSTEP	Bậc 4	
169	Phạm Đình Thanh	Trúc	02/10/2001	Khánh Hòa	Toán giải tích	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	370-305 130-190	
170	Lê Hoàng	Bảo	19/08/2003	Lâm Đồng	Toán giải tích	VSTEP	Bậc 4	
171	Lê Công T	Thịnh	15/09/2002	Đồng Nai	Toán giải tích	VSTEP	Bậc 3	
172	Trần Anh	Quân	21/02/2003	Quảng Trị	Toán ứng dụng	VSTEP	Bậc 3	
173	Nguyễn Trọng	Nhân	28/09/2002	TP. Hồ Chí Minh	Toán ứng dụng	VSTEP	Bậc 4	
174	Vũ Hoàng	Duy	10/10/2002	TP. Hồ Chí Minh	Toán ứng dụng	VSTEP	Bậc 3	
175	Phạm Đình Thanh	Trúc	02/10/2001	Khánh Hòa	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	370-305 130-190	
176	Thái Hồng	Phước	19/05/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	IELTS	4,5	

2



Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
77	Trần Thành	Nhân	03/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	295-275 120-130	
178	Giang Hoàng Bảo	Khanh	13/06/2002	TP. Hồ Chí Minh	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	VSTEP	Bậc 3	
179	Ngô Thị Thanh	Thảo	25/02/2003	Bến Tre	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	VSTEP	Bậc 3	
180	Lê Quang	Trung	01/02/2003	Vĩnh Long	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	VSTEP	Bậc 3	
181	Trương Đình	Huy	18/09/2003	TP. Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	6.5	
182	Nguyễn Phúc	Tân	22/11/2003	Gia Lai	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	6,5	
183	Đỗ Thanh	Nghị	24/11/2003	Khánh Hòa	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	390-455 140-170	
184	Trần Đại	Niên	03/06/2003	TP. Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	495-420 140-190	
185	Dương Tấn	Phát	11/01/2000	Tiền Giang	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	405-400 140-180	
186	Nguyễn Phương	Thảo	17/09/2003	Đắk Lắk	Trí tuệ nhân tạo	Aptis ESOL	B2	
187	Lê Thanh Thái	Quảng	22/02/2003	Quảng Ngãi	Trí tuệ nhân tạo	HSK	Level 3	
188	Trần Ngọc	Bảo	12/11/2003	Lâm Đồng	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	7.0	
189	Phạm Nguyễn Cao	Cường	02/01/2002	Quảng Ngãi	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	7.5	
190	Lý Văn	Đạt	03/10/2025	TP. Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	7.5	
191	Bùi Mạnh	Hùng	17/09/2003	Quảng Bình	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	5.5	

2

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
192	Nguyễn Vĩ	Khang	17/01/2002	Bình Phước	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	7.5	
193	Âu Dương	Khang	28/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	6.0	
194	Lê Tấn	Lộc	02/01/2002	An Giang	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	5.0	
195	Trần Thị Quỳnh	Nhi	18/12/2002	Phú Yên	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	5.5	
196	Nguyễn Hoàng Nhật	Quang	05/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	5.5	
197	Nguyễn Minh	Quang	16/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	7.0	
198	Lê Thế	Việt	07/08/2002	Khánh Hòa	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	6.5	
199	Nguyễn Quốc	Việt	22/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	7.5	
200	Cao Văn	Hùng	04/02/2002	Quảng Bình	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	415-360 140-160	
201	Đặng Thịnh	Hưng	14/02/2003	Tây Ninh	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	410-390 140-140	
202	Phạm Anh	Huy	05/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	365-345 140-180	
203	Chu Hải	Linh	28/02/2003	Bình Thuận	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	410-300 120-160	
204	Nguyễn Minh	Nghĩa	05/06/2002	Khánh Hòa	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	420-405 140-150	
205	Phạm Trần Minh	Ngọc	14/11/2002	TP. Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	330-300 140-190	

7/30/2023 (*)

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
206	Nguyễn Bùi Mẫn	Nhi	05/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	465-445 150-180	
207	Trần Thiện	Tiến	15/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	465-395 120-170	
208	Võ Thu	Trang	20/06/2003	Lâm Đồng	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	420-400 140 160	
209	Quan Phú	Long	06/08/2003	Lâm Đồng	Trí tuệ nhân tạo	TNĐH, Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Tiếng Anh		
210	Mai Vũ Huy	Hoàng	21/05/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trí tuệ nhân tạo	VSTEP	Bậc 4	
211	Đỗ Tài Nguyễn	Hưng	17/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo	VSTEP	Bậc 4	
212	Phạm Đức	Huy	03/11/2001	Đắk Lắk	Trí tuệ nhân tạo	VSTEP	Bậc 4	
213	Trương Thành	Nhân	23/10/2003	Tiền Giang	Trí tuệ nhân tạo	VSTEP	Bậc 4	
214	Nguyễn Đăng Thới	Toàn	28/08/2003	Quảng Ngãi	Trí tuệ nhân tạo	VSTEP	Bậc 4	
215	Nguyễn Thanh	Trọng	27/01/2002	Quảng Nam	Trí tuệ nhân tạo	VSTEP	Bậc 3	
216	Nguyễn Hà	Thanh	15/08/2003	Quảng Ngãi	Vật lý kỹ thuật - Chuyên ngành: Giảng dạy vật lý thực nghiệm	Aptis ESOL	B1	
217	Đặng Như	Phương	21/02/2003	Quảng Ngãi	Vật lý kỹ thuật - Chuyên ngành: Giảng dạy vật lý thực nghiệm	VSTEP	Bậc 4	
218	Phan Vũ	Kiều	29/10/2003	Quảng Nam	Vật lý kỹ thuật - Chuyên ngành: Giảng dạy vật lý thực nghiệm	VSTEP	Bậc 3	

7

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Điều kiện miễn		Ghi chú
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc	
219	Nguyễn Minh	Hiền	02/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	IELTS	7.5	
220	Hà Trung	Hiếu	30/06/2002	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	VSTEP	Bậc 3	
221	Trần Nguyễn Trọng	Nghĩa	07/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	VSTEP	Bậc 4	
222	Trương Kim	Vinh	06/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	VSTEP	Bậc 3	
223	Nguyễn Hoàng	Huy	11/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	475- 435 130-180	
224	Trần Hoàng	An	28/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Aptis ESOL	B1	
225	Nguyễn Hoàng	Huy	11/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	475- 435 130-180	
226	Lê Thanh	Quang	25/01/2003	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	TOEIC (L-R) TOEIC (S-W)	380-345 130-130	
227	Ngô Viết	Hiếu	19/06/2000	Thừa Thiên Huế	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	VSTEP	Bậc 4	
228	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	18/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	VSTEP	Bậc 3	
229	Tô Hoàng	Minh	30/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	VSTEP	Bậc 4	
230	Lê Anh	Nhi	30/06/2003	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	VSTEP	Bậc 4	
231	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	14/06/2003	Tiền Giang	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	VSTEP	Bậc 3	
232	Ngô Minh T	Thùy	01/04/2003	Thanh Hóa	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	VSTEP	Bậc 3	

Tổng cộng danh sách có 232 thí sinh